

VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP ĐÔNG Á NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XXI

Nguyễn Hoàng Linh*

TÓM TẮT

Nhìn chung, tất cả các nước Đông Á (Đông Bắc Á và Đông Nam Á) tham gia vào tiến trình hợp tác kinh tế khu vực đều mong muốn thúc đẩy quá trình liên kết, hội nhập ở đây. Mục đích chính mà các bên tham gia mong đợi là tạo ra môi trường hòa bình, thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa các nước trong khu vực Đông Á. Tuy nhiên, các bên tham gia lại có những tính toán với những mục đích cho riêng mình, đặc biệt là Nhật Bản và Trung Quốc khi cả hai quốc gia này đều mong muốn vị trí lãnh đạo trong tiến trình hội nhập khu vực. Bên cạnh đó, ASEAN cũng không muốn là người đứng ngoài trong cuộc chạy đua vị trí lãnh đạo này. Từ đó, vấn đề ai là người lãnh đạo phù hợp nhất cho tiến trình hợp tác, hội nhập Đông Á trở thành một câu hỏi nghiên cứu thường xuyên của giới học giả. Bài viết này sẽ góp phần giải quyết câu hỏi nghiên cứu nêu trên.

ABSTRACT

In general, all East Asian countries (Northeast Asia and Southeast Asia) participate in East Asian regional cooperation are keen to promote regional integration. The main purpose which the parties expect is creating an environment of peace, promote economic cooperation among East Asia countries. However, the parties have their own purposes, especially Japan and China, these two countries are keen to leadership positions in the regional integration process. Besides, ASEAN does not want to be the outsiders in the race for the leadership position. Since then, the issue of who is the best for the leader of East Asian cooperation and integration process have become a research question among scholars. This paper will contribute to clear the research questions mentioned above.

1. Mở đầu

Trong hơn hai thập kỉ trở lại đây, nghiên cứu về khu vực và khu vực hóa đã trở thành một xu hướng khá phổ biến trong giới học giả trên thế giới. Các quốc gia trong những vùng địa lý nhất định bắt đầu cảm thấy bất an bởi tác động của quá trình toàn cầu hóa ngày một mạnh mẽ.

Không nằm ngoài xu hướng đó, các quốc gia Đông Á đã bắt đầu quá trình hợp tác khu vực của mình từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Tiến trình hợp tác, hội nhập khu vực ở Đông Á thật sự có được bước ngoặt khi cơ chế ASEAN + 3 ra đời trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ (1997) bùng nổ ở khu vực này. Sự góp mặt của ba quốc gia Đông Bắc Á cùng các nước trong khối ASEAN đã cho ra đời Tuyên bố chung về hợp tác Đông

* Thạc sĩ, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Á (1999), khẳng định mục đích và mục tiêu của khuôn khổ hợp tác này. Tuy vậy, sự tham gia của các quốc gia đều có những mục đích riêng, liên quan nhiều đến tình hình chính trị và quan hệ quốc tế tại khu vực. Và một trong những mục đích đó là để có được vị trí lãnh đạo tiến trình hội nhập khu vực Đông Á, thể hiện vai trò lớn hơn của mình trong quan hệ quốc tế khu vực và thế giới.

Tiến trình hội nhập Đông Á, bước sang những năm đầu thế kỷ XXI, đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, tài chính. Tuy nhiên, một trong những vấn đề được nhiều học giả quan tâm là vị trí, vai trò của người đứng đầu tiến trình hội nhập khu vực nơi đây, cũng như vấn đề ai sẽ là người lãnh đạo phù hợp nhất. Các nghiên cứu đã chỉ ra những điểm mạnh - yếu của các bên tham gia, trong đó, ba quốc gia Đông Bắc Á cùng ASEAN được tính là bốn thực thể. Nhật Bản và Trung Quốc, với thế mạnh kinh tế và vị thế trong quan hệ quốc tế, đã có rất nhiều nỗ lực để thể hiện mình, trong khi Hàn Quốc cũng có những tính toán riêng. Tuy nhiên, những tính toán của Trung Quốc và Nhật Bản, cùng những mâu thuẫn giữa hai quốc gia này, khiến các quốc gia Đông Á còn lại cảm thấy lo lắng. Vì thế, rất nhiều quan điểm nghiên cứu cho rằng ASEAN nên là người đứng ra chèo lái con thuyền Đông Á đi đến đích của sự hội nhập, và cũng bởi vì, ASEAN lại tỏ ra là người phù hợp nhất cho vị trí lãnh đạo trong bối cảnh phức tạp của khu vực và cả những tác động từ bên ngoài.

Bài viết này sẽ phân tích mục đích riêng của các thực thể trong quá trình hội nhập khu vực Đông Á, bên cạnh đó là những đóng góp và những điểm hạn chế của chúng. Trên cơ sở chỉ ra sự khác biệt giữa lãnh đạo nội địa và lãnh

đạo quốc tế, chúng ta sẽ thấy được ai là người phù hợp nhất cho vị trí lãnh đạo tại Đông Á trong tiến trình hội nhập khu vực.

2. Mục đích tham gia và sự đóng góp của các thực thể

Những nhận thức mới về tình hình thế giới và khu vực, cùng với thực tiễn mà Đông Á đang phải đối mặt trong cuộc khủng hoảng tại đây, đã khiến các quốc gia Đông Á nhận thấy rằng họ phải cùng nhau phối hợp hành động. Ngay trong cuộc khủng hoảng, tháng 12/1997, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần đầu tiên đã được tổ chức tại Kuala Lumpur, Malaysia. Tại Hội nghị, các nước ASEAN + 3 đã cùng nhau đưa ra *Tuyên ngôn hợp tác hướng đến thế kỷ XXI*, chính thức thành lập cơ chế hợp tác ASEAN + 3 (APT) cho khu vực. ASEAN + 3 gồm các thành viên ASEAN và 3 nước Đông Bắc Á là Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Việc Trung Quốc và Nhật Bản tham gia diễn đàn này được xem là một thành công vì đây là hai quốc gia lớn, có tầm ảnh hưởng mạnh trong khu vực. Về phía Nhật Bản, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới (vào thời điểm đó) là quốc gia viện trợ ODA lớn nhất thế giới và là nhà đầu tư lớn nhất Đông Nam Á. Còn với Trung Quốc, đất nước rộng lớn và đông dân này là một thị trường lớn đang trỗi dậy ngày một mạnh mẽ. Sự tham gia của Trung Quốc vào ASEAN + 3 còn đảm bảo môi trường an ninh ổn định cho khu vực bởi các nước Đông Nam Á luôn coi quốc gia này là một “*mối đe dọa*”. Trong Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần đầu tiên, các thành viên đã nhất trí giúp đỡ, hỗ trợ nhau về kỹ thuật và tài chính để giúp nhau phát triển. Trung Quốc và Nhật Bản đã đề ra *Sáng kiến hội nhập ASEAN* (Initiative for ASEAN Integration) nhằm thu hẹp khoảng

cách phát triển giữa những thành viên mới và cũ của tổ chức này¹.

Tuy vậy, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần đầu tiên cũng cho thấy sự thận trọng của các quốc gia Đông Á, nhất là Nhật Bản. Cơ chế APT ra đời nhưng tương lai về một Đông Á hợp tác và phát triển thịnh vượng vẫn chưa có con đường để hướng đến. Hay nói cách khác, các nước Đông Á chưa đưa ra một quyết định nào cho tương lai của hợp tác APT. Một năm sau, tháng 12/1998, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần thứ hai được tổ chức tại Hà Nội, Việt Nam, thông qua *Chương trình hành động Hà Nội* với những mục tiêu, kế hoạch cho hợp tác khu vực. Hợp tác Đông Á chỉ thật sự được khởi động khi Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần thứ ba được tổ chức tại Manila, Philippines ngày 28/11/1999. Hội nghị đã thông qua *Tuyên bố chung về hợp tác Đông Á*, khẳng định quyết tâm hướng đến mục tiêu hợp tác, hội nhập khu vực của các thành viên tham gia. Đây được xem là một trong những bước ngoặt lớn của tiến trình hợp tác Đông Á, nhất là về mặt kinh tế.

Tuy nhiên, sự tham gia của các quốc gia trong quá trình hợp tác khu vực, ngay từ lúc ban đầu, đã có những mục đích riêng. Về mục tiêu chiến lược, các nước Đông Bắc Á dường như đã tính toán rất kỹ, họ tham gia vào tiến trình liên kết khu vực và dùng nó như là công cụ để chớp lấy những cơ hội mà bối cảnh quốc tế mới đang đặt ra. Đối với Trung Quốc, họ tham gia vào cơ chế ASEAN + 3, nhằm mục đích tăng cường ảnh hưởng với các nước ASEAN, kiềm chế Nhật Bản và có thể tiến tới thay thế vai trò

của Mỹ ở Đông Á. Như vậy, Trung Quốc xem hợp tác Đông Á giống như “*một công cụ hữu ích cả về chiến lược lẫn kinh tế*”². Còn về phía Nhật Bản, họ tham gia vào tiến trình hợp tác kinh tế Đông Á sau khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ những năm cuối thế kỉ XX cho họ thấy sự cần thiết phải có một cơ chế riêng để giải quyết các vấn đề trong khu vực, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Hơn nữa, thái độ khá thờ ơ của Mỹ và những biện pháp hoàn toàn không phù hợp của IMF³ khiến Nhật Bản nhận thấy “*khoảng trống quyền lực*” lại xuất hiện ở Đông Á, và đây là cơ hội để họ tăng cường ảnh hưởng của mình tại khu vực này. Trong khi đó, với Hàn Quốc, tham gia vào tiến trình hợp tác kinh tế Đông Á, ngoài những mục tiêu về kinh tế, còn nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đi đến giải quyết ổn thỏa những vấn đề trên bán đảo Triều Tiên. Và nếu có điều kiện thuận lợi, khi cuộc chạy đua giữa Trung Quốc và Nhật Bản chưa đi đến hồi kết thúc, Hàn Quốc có thể sẽ tranh thủ được thời cơ này, vươn lên và đủ khả năng tranh chấp quyền lực ở Đông Á với hai nước láng giềng.

² Nguyễn Thu Mỹ (2008), Một số vấn đề cơ bản về hợp tác ASEAN + 3, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 119

³ Khi khủng hoảng nổ ra, những biện pháp mà các tổ chức tài chính thế giới đưa ra thực sự không phù hợp với tình hình của các nước Đông Á, và trên phương diện nào đó, thậm chí, các biện pháp trên còn làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng tại khu vực. Ví như biện pháp của IMF, trên cơ sở phân tích sai những nguyên nhân gây khủng hoảng, đã khiến cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á trở thành một sự sụp đổ về kinh tế. Vì thế, niềm tin của các quốc gia Đông Á về một sự cứu giúp kịp thời của IMF không còn nữa, thay vào đó, họ tìm cách tự cứu lấy chính mình thông qua việc hợp tác với các nước trong khu vực, tạo nên một thể chế hợp tác có khả năng giải quyết những vấn đề thực tại và tương lai.

¹ Đinh Thị Hiền Lương (2005), “Chủ nghĩa khu vực và thực tiễn Đông Á”, *Nghiên cứu Quốc tế*, (số 61), tr. 70.

Từ những mục đích khác nhau đó, các nước Đông Bắc Á đã có những thái độ, nỗ lực ở những mức khác nhau khi tham gia vào tiến trình liên kết khu vực. Trong khi tình hình ở Đông Bắc Á vẫn chưa thể ấm lên bởi những mâu thuẫn, tranh chấp, thì hợp tác Đông Á chủ yếu đạt được những thành công với cơ chế ASEAN + 1 khi cả ba nước Đông Bắc Á đều muốn lấy lòng các nước ASEAN và chiếm lĩnh thị trường đầy tiềm năng này. Cục diện ASEAN là “tâm trục” trong tiến trình hợp tác kinh tế Đông Á được tất cả các bên tham gia hài lòng, trong đó đặc biệt là Trung Quốc. Nước này đã đóng vai trò rất quan trọng trong việc hoạch định mục tiêu, nội dung, phương hướng và các biện pháp triển khai hợp tác khu vực. Trước đó, khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á (1997) bùng nổ, Trung Quốc đã quyết định không hạ giá đồng nhân dân tệ để tránh làm cho cuộc khủng hoảng ở các nước Đông Á thêm trầm trọng. Điều này được dư luận khu vực và thế giới đánh giá rất cao. Trên cơ sở đó, với mong muốn thể hiện vị trí “anh cả”, Trung Quốc tiếp tục tham gia tích cực vào Nhóm Tầm nhìn Đông Á (EAVG) và Nhóm Nghiên cứu Đông Á (EASG), góp phần đưa ra những biện pháp quan trọng của hai nhóm này. Ngoài ra, Trung Quốc là người đề xuất một số sáng kiến khác như thành lập Kho tư tưởng Đông Á, xúc tiến hợp tác trong những lĩnh vực an ninh phi truyền thống... Quan trọng hơn, Trung Quốc còn góp công rất lớn vào quá trình thiết kế nội dung, thể chế của hợp tác ASEAN + 3 cũng như hợp tác Đông Á nói chung với cơ chế Thượng đỉnh Đông Á (EAS) được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2005 tại Kuala Lumpur, Malaysia¹.

Vai trò của Nhật Bản trong tiến trình liên kết khu vực cũng được dư luận đánh giá cao, cho dù họ đang phải đối mặt với những vấn đề khó khăn về cả kinh tế lẫn chính trị. Cũng giống như Trung Quốc, vai trò của Nhật Bản được thể hiện rõ nhất trong các cơ chế ASEAN + 1 và ASEAN + 3, góp phần to lớn tạo nên lực đẩy cho tiến trình hợp tác khu vực phát triển. Tuy nhiên, những tính toán cùng những bước đi chưa thật sự thích hợp đã khiến vai trò của Nhật Bản có phần lu mờ hơn so với Trung Quốc, quốc gia mà Nhật Bản muốn kiểm soát trong tiến trình này cũng như trong chiến lược phát triển nói chung của Nhật Bản tại Đông Á. Khi Trung Quốc cùng ASEAN ra tuyên bố nghiên cứu về việc kí kết Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương năm 2001, lo ngại trước bước đi nhanh của Bắc Kinh, Tokyo ngay lập tức cũng tiến hành đàm phán với ASEAN về những vấn đề tương tự. Rõ ràng, FTA ASEAN - Nhật Bản ra đời từ chính lực đẩy của FTA ASEAN - Trung Quốc. Nhưng cách tiếp cận FTA của Nhật Bản với ASEAN lại có nhiều điểm khác so với Trung Quốc bởi những tính toán riêng của người Nhật. Theo đó, ban đầu Nhật Bản sẽ kí các FTA song phương với từng quốc gia Đông Nam Á, rồi sau đó mới hình thành *Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản* (AJCEP). Cách đi này của Nhật Bản là để bảo hộ khu vực nông nghiệp của mình trước nguy cơ sụp đổ một khi thị trường được mở cửa hoàn toàn. Và cũng vì thế, FTA ASEAN - Nhật Bản khó có thể đem lại kết quả như FTA ASEAN - Trung Quốc, cho dù FTA này cũng có nhiều điểm tương đồng.

¹ Xem thêm Nguyễn Thu Mỹ (2008), tldd, tr. 121

Hàn Quốc hoàn thành FTA song phương

với ASEAN¹ có phần chậm hơn so với Trung Quốc và Nhật Bản, tuy nhiên, lợi thế của người đi sau, Hàn Quốc có những thuận lợi nhất định của mình. Thứ nhất, Hàn Quốc tiếp cận FTA với ASEAN khi các nước này gần như đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế và đang có những bước phát triển trở lại, vì thế tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác có hiệu quả trong FTA. Thứ hai, cách tiếp cận FTA của Hàn Quốc với ASEAN tương tự như FTA ASEAN - Trung Quốc nên được các nước Đông Nam Á nhiệt tình ủng hộ. Thứ ba, Hàn Quốc đã thoát khỏi khủng hoảng và bắt đầu phát triển trở lại. Với những kinh nghiệm trong quá khứ cùng tiềm năng quốc gia mạnh, Hàn Quốc sẽ còn phát triển hơn nữa với sự bền vững nhất định, tạo điều kiện cho FTA ASEAN - Hàn Quốc đạt được những thành tựu to lớn.

Trung Quốc luôn muốn Đông Á đi theo con đường của khuôn khổ hợp tác ASEAN + 3, bởi lẽ, trong cơ chế này, Trung Quốc là người có lợi thế nhất. Trong khi đó, Nhật Bản lại đề xuất con đường hợp tác Đông Á theo cơ chế EAS với sự tham gia của một số quốc gia nằm ngoài khuôn khổ ASEAN + 3 (gồm Australia, New Zealand và Ấn Độ) nhằm chiếm lấy ưu thế trong tiến trình hợp tác khu vực cũng như kiềm chế và cạnh tranh với Trung Quốc. Sự song hành của hai cơ chế nói trên, hay sự cạnh tranh gay gắt giữa Nhật Bản và Trung Quốc, vô hình chung, lại là điều kiện cho các thực thể khác tham gia trong tiến trình này vươn lên nắm lấy cơ hội của mình. Bên cạnh Hàn Quốc, ASEAN đang là người có cơ hội lớn

nhất, bởi khi chưa có ai thực sự giành được quyền lãnh đạo tiến trình hợp tác khu vực thì Hiệp hội là lựa chọn thích hợp để điều phối, chèo lái con thuyền Đông Á. Mô hình ASEAN đang được nghiên cứu để phát triển thành mô hình của Cộng đồng Đông Á theo như nhiều nghiên cứu, đánh giá đã đề cập. Tuy vậy, để nắm lấy cơ hội lịch sử này, ASEAN cần khắc phục những điểm yếu cũng như phát huy các thế mạnh của mình, và điều này là hoàn toàn không dễ dàng.

Không chỉ Trung Quốc và Nhật Bản cạnh tranh nhau vị trí lãnh đạo mà cả ASEAN cũng tham gia vào cuộc đua này. Có thể nói, nếu các quan điểm nghiên cứu về vị trí lãnh đạo tiến trình hội nhập Đông Á cho rằng có bốn thực thể (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và ASEAN), thì đối với ASEAN, quan điểm của họ chỉ là hai thực thể là ASEAN và ba nước Đông Bắc Á. Khi ý tưởng thành lập cơ chế Thượng đỉnh Đông Á được đưa ra, ASEAN đã lo sợ vị trí chèo lái của mình sẽ mất đi khi họ tham gia EAS với tư cách là 10 nước thành viên riêng rẽ. Tuy nhiên, ASEAN đã thành công khi họ vẫn được xướng danh trong các bản tuyên bố của EAS với tư cách là một Hiệp hội thống nhất. Và quan trọng hơn, ba nước Đông Bắc Á luôn khẳng định vai trò chủ đạo của ASEAN trong quá trình xây dựng Cộng đồng Đông Á tương lai. Dù vậy, một khi tiến trình này đi đến thành công thì việc ASEAN có còn là người cầm trịch hay không là một dấu hỏi lớn.

3. ASEAN và nhà lãnh đạo quốc tế

Rất nhiều học giả trong và ngoài nước cho rằng, vai trò của ASEAN trong chủ nghĩa khu vực Đông Á đang lên là rất quan trọng. Và trong tương lai xa, vai trò và tác động của

¹ Tháng 06/2009, FTA về đầu tư ASEAN - Hàn Quốc được ký kết và có hiệu lực tức thì. Đây được xem là thời điểm hoàn tất FTA ASEAN - Hàn Quốc, bởi trước đó, hai bên đã ký kết và cho đi vào hoạt động FTA về hàng hóa (07/2006) và FTA dịch vụ (05/2009).

những thể chế như ASEAN và ASEAN + 3 sẽ quan trọng hơn nhiều. Mức độ hòa bình và thịnh vượng sẽ phụ thuộc vào những thỏa thuận phức tạp của các thể chế đó trong những thập niên tới. Trong đó, ASEAN, với tư cách là người lãnh đạo con thuyền Đông Á đi đến đích cuối cùng của hội nhập khu vực, được đánh giá rất cao.

Đề lãnh đạo cả một khu vực với nhiều thành viên là các quốc gia, điều đó sẽ không giống với một nhà lãnh đạo ở cấp độ nội địa. Sự khác biệt giữa một *nhà lãnh đạo nội địa* (domestic leadership) và một *nhà lãnh đạo quốc tế* (international leadership) thể hiện ở các điểm sau:

1) Nhà lãnh đạo nội địa thường hoạt động trong một *không gian có thứ bậc* (hierarchical space) trong khi nhà lãnh đạo quốc tế hoạt động trong một *không gian hỗn loạn* (anarchical space);

2) So với nhà lãnh đạo nội địa, một nhà lãnh đạo quốc tế thường dựa trên *sự minh chứng* (justification) rõ ràng, hơn là dựa vào *sức mạnh vốn có* (power per se);

3) Trong khi các quốc gia thực hiện những hành động ích kỷ theo lợi ích quốc gia, thì nhà lãnh đạo quốc tế phải dựa trên, ít nhất là một phần nào đó, *tính tư lợi mình bạch* (enlightened self-interest) của mình;

4) Trong khi tính hợp pháp của nhà lãnh đạo nội địa thường dựa trên sự thi hành và thứ tự tổ chức thể chế, thì nguồn pháp lý của nhà lãnh đạo quốc tế lại khó để bắt buộc hơn (đặc biệt là trong trường hợp thiếu vắng một cơ chế, tổ chức quản lý quốc tế);

5) Nhà lãnh đạo quốc tế cần đạt được sự tin tưởng từ các thành viên chứ không phải thể hiện ở sự đe dọa¹.

Theo các điểm nói trên, dựa vào điều kiện của các quốc gia Đông Á lúc này, ASEAN đang là người chiếm được ưu thế trong việc thể hiện vai trò người cầm lái của mình. ASEAN là một tổ chức khu vực hoạt động khá hiệu quả, đặc biệt là về mặt hợp tác chính trị, và luôn đặt mục tiêu cho một cộng đồng chung thống nhất trong tương lai. Hiệp ước Bali 1976, Diễn đàn an ninh khu vực (ARF) và Hiến chương ASEAN rõ ràng là cơ sở pháp lý rõ ràng của ASEAN. Và trên hết, ASEAN đang chiếm được cảm tình cũng như sự tin tưởng của các nước Đông Á trong khuôn khổ APT trong việc thúc đẩy hợp tác và hội nhập khu vực. ASEAN đang được kì vọng sẽ là người mang lại sự thành công nếu họ đạt được những mục tiêu sau: 1) Ngăn ngừa xung đột; 2) Thắng một cuộc chiến bằng việc lãnh đạo một liên minh; 3) Kết thúc các xung đột; 4) Cấu trúc nên một tổ chức hòa bình; 5) Thúc đẩy lợi ích chung của tất cả các nước thành viên. Và theo Shiping Tang, một nhà lãnh đạo quốc tế thành công phụ thuộc rất nhiều vào mục tiêu thứ 5 ở trên, nếu muốn xây dựng thành công một thể chế khu vực².

Với các tiêu chí nêu trên của Shiping Tang, rõ ràng, cả ba nước Đông Bắc Á đều khó lòng “*đạt chuẩn*”. Những mâu thuẫn giữa ba quốc gia này, về vấn đề tranh chấp lãnh thổ và

¹ Bertrand Fort, Douglas Webber (2006), *Regional Integration in East Asia and Europe - Convergence or Divergence?*, Routledge Publishing, London, tr. 71.

² Bertrand Fort, Douglas Webber (2006), *Tlđđ*, tr. 71.

những mâu thuẫn lịch sử, khiến quan hệ giữa họ được nhiều quan điểm đánh giá là “*kinh tế nóng, chính trị lạnh*”. Ba quốc gia Đông Bắc Á luôn là những người bạn hàng lớn của nhau, chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế của nhau. Tuy nhiên, về mặt chính trị, sự lạnh nhạt, đối đầu, căng thẳng luôn thường trực. Ngoài ra, Trung Quốc luôn thể hiện cái gọi là “*chủ nghĩa đại Hán*” một cách quá rõ ràng và đây là nguyên nhân chính khiến tình hình an ninh khu vực luôn trong tình trạng căng thẳng. Trung Quốc là quốc gia duy nhất ở Đông Á có tranh chấp lãnh thổ (trên đất liền, trên biển và cả trên không) với các nước trong khu vực. Trong khi đó, Nhật Bản cũng cho thấy những biến chuyển về mặt an ninh - quốc phòng trong những năm trở lại đây như việc nâng cấp Cục phòng vệ năm 2007 và duy trì mức kinh phí cho quốc phòng trung bình 1% GDP hàng năm. Quan trọng hơn, việc các nguyên thủ quốc gia Nhật Bản đến thăm đền Yasukuni hàng năm khiến dư luận trong khu vực tỏ ra bất bình, đặc biệt là Hàn Quốc và Trung Quốc. Về phía Hàn Quốc, vấn đề hai miền Nam - Bắc Triều Tiên luôn là điểm nóng an ninh của khu vực. Và điều quan trọng nhất khiến Hàn Quốc khó có thể đạt được tiêu chí đưa ra bởi Shaping Tang là họ bị chi phối quá nhiều từ bàn đàm phán sáu bên về vấn đề vũ khí hạt nhân ở CHDCND Triều Tiên, và không thể tự mình quyết định vấn đề thống nhất hai miền Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên.

Ở một góc độ khác, theo Oran Young, để lãnh đạo việc xây dựng thể chế cho khu vực, nhà lãnh đạo cần có các yếu tố là *sự lạc quan* (optimism), *sự tận tâm cống hiến* (devotion), *sự thực dụng* (pragmatism), và các *kỹ năng* (skills). Trong đó, ông nhấn mạnh đến kỹ năng

sở hữu được khả năng nhận diện mục tiêu, và điều này đòi hỏi nhà lãnh đạo quốc tế cần trí tuệ, vai trò trung gian, cách *đặt vấn đề* (issue - setting) và khả năng *kết thúc một thỏa thuận* (deal - closing)¹. Trong bốn yếu tố nói trên, có thể thấy, ASEAN đã phần nào đáp ứng được ba yếu tố đầu tiên, còn yếu tố thứ tư thì cần phải hoàn thiện dần theo thời gian. Điều quan trọng là ASEAN cần có kỹ năng làm người trung gian trong mối quan hệ Nhật - Trung, điều mà nhiều nghiên cứu cho rằng sẽ là một trong những điều kiện để tiến trình hội nhập Đông Á đi đến thành công.

Nhiều chính trị gia cũng như các học giả nghiên cứu về vấn đề này đều ủng hộ ASEAN với tư cách là người lãnh đạo tiến trình hội nhập khu vực Đông Á. Bộ trưởng cấp cao của Singapore, Goh Chok Tong, trong bài phát biểu của mình tại Hội nghị bàn tròn châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 4 (2006), đã nhấn mạnh đến vai trò của ASEAN bên cạnh những đề xuất khác cho một Đông Á hội nhập thành công trong tương lai. Theo ông, “*vai trò của ASEAN, với tư cách là người cầm lái, phải hòa giải và làm dịu đi những căng thẳng giữa các nước lớn trong khu vực và lợi ích cạnh tranh của họ*”². Quan điểm này cũng được Yusuf Wanadi chia sẻ khi ông cho rằng Đông Nam Á có nghĩa vụ phải làm phần việc của mình trong quản trị toàn cầu. Nghĩa là ASEAN cần thể hiện mình như là một nhà lãnh đạo thật sự trong việc xây dựng thể chế hội nhập khu

¹ Bertrand Fort, Douglas Webber (2006), *Tlđđ*, tr. 74 - 75.

² Hadi Soesastro (2006), “Regional Integration in East Asia: Achievements and Future Prospects”, *Asian Economic Politic Review* 1, tr. 232.

vực. Nhưng hội nhập khu vực ở đây không mang tính địa phương mà là hướng đến mục tiêu toàn cầu¹.

Richard E. Baldwin là một trong những học giả nghiên cứu nhiều và sâu về chủ nghĩa khu vực Đông Á trên cơ sở quá trình hội nhập khu vực tại đây. Theo quan điểm của ông, việc hình thành một FTA Đông Á là điều cần thiết và rất quan trọng để thúc đẩy hội nhập khu vực sâu rộng và toàn diện hơn. Để làm được điều đó, Đông Á cần giải quyết nhiều vấn đề, và một trong những vấn đề quan trọng là ASEAN phải thể hiện được vai trò của mình. Theo đó, ASEAN cần giảm bớt tình trạng chủ nghĩa song phương với *trục và nan hoa* (hub and spoke) đang nổi lên ở Đông Á, bởi nó có tác động đặc biệt đến các nước nhỏ ở khu vực này khi học có thể bị rơi vào *cạm bẫy của các nan hoa* (spoke trap). Điều này có nghĩa là ASEAN cần hạn chế sự tồn tại quá mạnh mẽ của cấu trúc trục (ASEAN) với các nan hoa (các nước Đông Bắc Á và các nước Australia, New Zealand và Ấn Độ) khi các FTA song phương giữa ASEAN với các nước này đã hình thành, trong khi FTA chung cho khu vực thì chưa. Điều này cũng nhằm khắc phục tình trạng *bát mỳ* (noodle bowl) FTA song phương ở Đông Á².

4. Kết luận

Hội nhập Đông Á là một tiến trình và không thể đi đến đích cuối cùng một cách

nhANH chóng hay dễ dàng. Điều này xuất phát từ nhiều vấn đề khách quan và chủ quan tác động đến quá trình hội nhập khu vực nơi đây. Trong đó, vấn đề xác định vị trí lãnh đạo tiến trình này là một trong những vấn đề then chốt để đi đến thành công. Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc, so với các nước Đông Nam Á, là những nước phát triển và có vị thế quốc tế hơn hẳn, đặc biệt là Nhật Bản và Trung Quốc. Tuy nhiên, với những toan tính cũng những vấn đề nội tại, hai quốc gia này khó có thể đáp ứng được vị trí lãnh đạo tiến trình hội nhập khu vực. Trung Quốc không có được niềm tin từ các nước trong khu vực khi ngày càng bộc lộ tham vọng bá quyền với những hành động khiến tình hình an ninh khu vực trở nên bất ổn. Nhật Bản đang dần cải thiện hình ảnh tích cực của mình đối với các nước trong khu vực, nhưng những mâu thuẫn lịch sử Đông Á cùng mối quan hệ đồng minh thân thiết với Mỹ khiến quốc gia này có những hạn chế nhất định trong việc đóng góp vào tiến trình hội nhập Đông Á. Còn với Hàn Quốc, ngoài mong muốn phát triển kinh tế, ưu tiên của họ vẫn là giải quyết vấn đề Nam - Bắc Triều Tiên.

Như vậy, trong tương lai gần, vai trò của ASEAN trong tiến trình hội nhập Đông Á sẽ càng quan trọng hơn khi ở khu vực này vẫn không thể tìm được người lãnh đạo phù hợp hơn. Việc cạnh tranh bất phân thắng bại giữa Nhật Bản và Trung Quốc là cơ hội tốt cho ASEAN nắm lấy vai trò chủ đạo trong tiến trình hội nhập khu vực. Và nếu ASEAN đảm bảo được mô hình hợp tác, hội nhập trong khuôn khổ các nước Đông Nam Á luôn đi trước hợp tác Đông Á một bước thì họ sẽ bảo đảm được vị trí chủ đạo đó, và hơn nữa, sẽ thúc đẩy tiến trình hợp tác Đông Á ngày càng phát triển. Điều này cũng đã được Bộ trưởng cấp cao Singapore là Goh Chok Tong đề xuất khi

¹ Jusuf Wanandi, Tadashi Yamamoto (2008), "East Asian regionalism and global governance", *Japan Centre for International Exchange, Tokyo*, tr. 29.

² Richard E. Baldwin (2008), "Managing the Noodle Bowl: The Fragility of East Asian Regionalism", *The Singapore Economic Review*, Vol. 53, No. 3, tr. 476.

cho rằng “*hội nhập ASEAN là một phần quan trọng và không thể thay thế trong toàn bộ dự án hội nhập Đông Á*”¹. Và sự hình thành Cộng đồng ASEAN vào cuối năm 2015 có thể được kỳ vọng là một bước chuẩn bị tích cực cho sự hình thành Cộng đồng Đông Á trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Thị Hiền Lương (2005), “Chủ nghĩa khu vực và thực tiễn Đông Á”, *Nghiên cứu Quốc tế*, (số 61), tr. 64 - 79.
2. Nguyễn Thu Mỹ (2008), *Một số vấn đề cơ bản về hợp tác ASEAN + 3*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hadi Soesastro (2006), “Regional Integration in East Asia: Achievements and Future Prospects”, *Asian Economic Politic Review* 1, pp. 215 - 234.
4. Jusuf Wanandi, Tadashi Yamamoto (2008), “East Asian regionalism and global governance”, *Japan Centre for International Exchange*, Tokyo, pp. 19 - 37.
5. Richard E. Baldwin (2008), “Managing the Noodle Bowl: The Fragility of East Asian Regionalism”, *The Singapore Economic Review*, Vol. 53, No. 3, pp. 449 - 478.
6. Bertrand Fort, Douglas Webber (2006), *Regional Integration in East Asia and Europe - Convergence or Divergence?*, Routledge Publishing, London.

Ngày nhận bài: 26/2/2016

Ngày gửi phản biện: 5/11/2016

¹ Hadi Soesastro (2006), Tlđđ, tr. 232.